

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ PHÁT TRIỂN
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
(Dùng cho tất cả các ngành)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kinh tế phát triển**

Tiếng Anh: DEVELOPMENT ECONOMICS

Mã học phần: DCB.02.01

Số tín chỉ: 2

Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30

+ Lý thuyết: 23

+ Bài tập nhóm và thảo luận: 7

+ Thực hành:

+ Tự học:

+ Tổng số: 30 giờ tín chỉ

Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Cơ bản, Bộ môn Kinh tế - Xã hội

Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

- Tên: TS. Nguyễn Đình Hợi

- Chức danh: Trưởng Bộ môn Kinh tế - Xã hội

- Thông tin liên hệ: (điện thoại:0983091150, email: dinhhoinguyen@gmail.com)

2. Các môn học tiên quyết: Kinh tế Vĩ mô, Kinh tế vi mô

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững trong sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở những lý thuyết cơ bản về tăng trưởng và phát triển kinh tế, môn học sẽ giúp người học nhận thức được các yếu tố tác động đến tăng trưởng và phát triển kinh tế để có chính sách và giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng dài hạn và bền vững. Những yếu tố tác động đến tăng trưởng mà môn học đặc biệt quan tâm là tìm mọi biện pháp để khai thác và sử dụng tối ưu các nguồn lực khan hiếm để phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển trong điều kiện hiện nay như: tài nguyên thiên nhiên, vốn, nguồn lực con người, và khoa học công nghệ. Đồng thời nghiên cứu xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nghiên cứu

những vấn đề về công bằng xã trong quá trình phát triển, nhất là công bằng xã hội trong phân phối thu nhập, chống nghèo đói và bất bình đẳng giới.

Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích tình hình thực tiễn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp như: Trang bị cho người học các kỹ năng nghiên cứu và tư duy độc lập, có khả năng phát hiện và phân tích tìm ra nguyên nhân những hiện tượng kinh tế, xã hội và môi trường phát sinh có nguy cơ ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển bền vững kinh tế đất nước cũng như từng ngành, từng địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội, từ đó đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống đồng bộ và phù hợp với thực tiễn.

Về thái độ: **Giúp sinh viên có ý thức, nhận thức** đúng đắn đối với các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường với phát triển bền vững, biết bảo vệ và tìm cách khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực khan hiếm trong quá trình phát triển kinh tế đất nước và tuyên truyền tích cực cho việc chống lại các hiện tượng sử dụng lãng phí các nguồn lực dẫn đến nguy cơ suy thoái kinh tế và phát triển không bền vững nền kinh tế hiện nay.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO – Courses Learning Outcomes)

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

CLO1: Nhớ được những kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển (KTPT) bao gồm: khái niệm và các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế, khía niệm và nội dung phát triển kinh tế, phát triển bền vững, khái niệm và nội dung các yếu tố nguồn lực, khái niệm cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khái niệm và các phương pháp đánh giá công bằng xã hội.

CLO2: Hiểu được bản chất những kiến thức cơ bản mô tả tại CLO1 và khi đọc các tài liệu có liên quan đến kinh tế phát triển có thể vận dụng vào các kiến thức cơ bản đã biết ở phần CLO1.

CLO3: Vận dụng được những kiến thức mô tả tại CLO1 và các quy định pháp luật có liên quan để giải quyết các bài tập giả định các tình huống đã đưa ra ở các chương trong giáo trình.

CLO4: Phân tích được các các vấn đề thực tế đặt ra và gắn với tình hình cụ thể của Việt Nam khi đưa ra những chủ trương chính sách có liên quan đến phát triển kinh tế một cách có hiệu quả.

CLO5: Đánh giá được, liên kết được hệ thống kiến thức về KTPT để từ đó hoạch định chủ trương, đường lối giúp cho các chủ thể tham gia các phát triển kinh tế có hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương cũng như của đất nước mình.

CLO6: Sáng tạo, đưa ra được ý kiến tư vấn, đề xuất được với cơ quan có thẩm quyền ban hành về các giải pháp chính sách để tham gia có hiệu quả của các chủ thể vào quá trình phát triển kinh tế đất nước cũng như từng vùng địa phương, từng đơn vị kinh tế - xã hội cụ thể.

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO
--	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	------------

									9
CLO 1					H				
CLO 2					H	M			
CLO 3						M			
CLO 4							H	M	
CLO 5								M	
CLO 6									L
TỔNG HỢP HP					H	M	L	L	L

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Hình thức đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Chuyên cần (tham gia đủ 100% số buổi)	H	H				
Hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của giáo viên)		H	H	M		
Hoạt động cá nhân tại nhà (tự học, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)			M	M		L
Hoạt động nhóm (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp)	H	H			M	L
Kiểm tra giữa kỳ	H			M	L	L
Kiểm tra cuối kỳ (tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm)	H			M	L	L

4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Dạy học nhóm	H	H	M	H	L	M
Nêu và giải quyết vấn đề		M	H	H	L	L
Nghiên cứu tình huống điển hình (Case study)		M	H	H	H	H
Sử dụng công nghệ trong dạy học (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng)	H					

4.5. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Bài 1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế	A	I	P			
Bài 2. Các nguồn lực với phát triển kinh tế	A	I	P			
Bài 3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế với phát triển kinh tế	A	P	I			
Bài 4. Công bằng xã hội với phát triển kinh tế	A					

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp.
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Học liệu:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. TS. Nguyễn Đình Hợi : Bài giảng kinh tế phát triển.
2. TS. Nguyễn Đình Hợi (Chủ biên), Giáo trình kinh tế phát triển, NXB Tài chính, Hà Nội - 2008

3. Slides bài giảng của giảng viên.

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Đinh Văn Hải và TS Lương Thu Thủy (Đồng chủ biên) và tập thể tác giả, *Kinh tế phát triển*., NXB Tài chính, Hà Nội – 2015
2. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Kinh tế học phát triển “ ngoài việc nghiên cứu cách thức xã hội phân bổ có hiệu quả các nguồn lực sản xuất khan hiếm hiện có, cũng như sự phát triển bền vững của những nguồn lực này theo thời gian và những nội dung chính trị của những quyết định kinh tế, nó còn quan tâm đến những cơ chế về kinh tế, xã hội và thể chế cần thiết để ...tác động đến những chuyển đổi nhanh chóng về thể chế và cơ cấu của toàn thể xã hội, sao cho có thể mang lại một cách hiệu quả nhất những thành quả của những tiến bộ kinh tế cho hầu hết các tầng lớp nhân dân trong xã hội đó”. Môn học mang tính tổng hợp, nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế, khái quát sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Môn học chỉ ra quá trình chuyển một nền kinh tế từ tình trạng trì trệ, tăng trưởng thấp, tỷ lệ nghèo đói và tình trạng mất công bằng xã hội cao, sang một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh với các tiêu chí xã hội ngày càng được cải thiện hơn. Môn học cung cấp cơ sở khoa học cho việc lựa chọn mô hình tăng trưởng và đường lối phát triển kinh tế phù hợp với từng giai đoạn và phù hợp với những điều kiện trong nước và quốc tế khác nhau.

8. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần	Bài	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 1	Bài 1	Tăng trưởng và phát triển kinh tế	03 tiết	0 tiết	+ Giáo trình (viết tắt: G.tr) từ tr.1 – tr. 8	+ Tra cứu tài liệu + Định hướng nội dung thảo luận: Mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế.
	Bài 1		03 tiết	0 tiết	+ G.tr từ tr. 9 – tr. 13	+ Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: Phát triển bền vững về

Tuần	Bài	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
						kinh tế , xã hội, môi trường là gì ?
Tuần 2	Bài 1		02 tiết	2 tiết	+ G.tr từ tr. 13 – tr. 18	+ Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học; đọc tài liệu để chuẩn bị trả lời câu hỏi của + Làm bài tập ở nhà theo chủ đề.
	Bài 2	Các nguồn lực với phát triển kinh tế	03 tiết	0 tiết	+ G.tr từ tr. 19 – 27	+ Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học; đọc tài liệu để chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV tại lớp + Làm bài tập ở nhà theo chủ đề
Tuần 2	Bài 2		02 tiết	0 tiết	+ G.tr từ tr. 28 - 38	+ Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Đọc trước tài liệu để chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV tại lớp + Làm bài tập ở nhà theo chủ đề. Định hướng nội dung thảo luận: Khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo quan điểm phát triển bền vững?
	Bài 2		02 tiết	2 tiết	+ G.tr từ 38-tr.53	
	Bài 3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế với phát triển kinh tế	03 tiết	1 tiết kiểm tra	+G.Tr. từ tr. 54 –tr.75	+ Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học Định hướng nội dung thảo luận: Ưu tiên phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động trong định hướng CDCCKT ở VN
Tuần 3	Bài 4	Công bằng xã hội trong quá trình	03 tiết	0 tiết	+G.Tr. từ tr.76-tr.96	+ Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học

Tuần	Bài	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
		phát triển kinh tế				
	Bài 4		02 tiết	02 tiết		+ Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường:

- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy chiếu, laptop, bút dạ viết bảng, phấn, bút chỉ slide.

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra – đánh giá thường xuyên và kiểm tra - đánh giá định kỳ:

Hình thức đánh giá	Phần trăm	Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng
01. Chuyên cần (kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp: 01 điểm)	10%	Yêu cầu chung: - Sinh viên có mặt, tham gia đầy đủ 100% buổi học, giờ học - Sinh viên tích cực phát biểu. - Sinh viên không nói chuyện, ngủ, ăn quà trong giờ học. Mục đích: - Đánh giá thái độ học tập: sự chăm chỉ, nghiêm túc, kỷ luật, sự hào hứng, say mê học tập
02. Viết bài theo chủ đề (kiểm tra định kỳ: 01 bài) làm ở nhà	10%	Yêu cầu: - Sinh viên làm việc độc lập. - Sinh viên viết các bài theo các chủ đề đã học (khoảng 3-4 chủ đề). Điểm của sinh viên sẽ được đánh giá là điểm trung bình cộng của các bài viết. Mục đích: - Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức, phát triển kỹ năng phân tích, kỹ năng trình bày vấn đề bằng văn bản, kỹ năng lập luận.
03 Kiểm tra giữa kỳ (Tự luận)	20%	Yêu cầu: Sinh viên thực hiện bài kiểm tra trong khoảng thời gian nhất định.

		<p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ kiến thức đã học - Có biện pháp cải tiến phương pháp học tập để đạt kết quả tốt hơn vào cuối kỳ.
04 Thi hết học phần (tự luận)	60%	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nghiên cứu kỹ các mục tiêu của bài tập cần đạt, - Đọc, ghi nhớ tài liệu để có cơ sở lý thuyết cho bài tập phân tích tình huống <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích sinh viên chủ động tìm tòi, nghiên cứu - Tăng cường khả năng quan sát, tư duy và lập luận logic và phê phán

10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá (Rubrics định tính cho bài thi hết học phần theo hình thức tự luận)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
Xuất sắc	9-10	<p>Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.</p> <p>Có phân tích mở rộng (phân tích đúng hướng và đủ ý).</p> <p>Có ví dụ minh họa.</p> <p>Dẫn chiếu chính xác điều luật liên quan.</p> <p>Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic.</p> <p>Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn.</p> <p>Không có lỗi chính tả.</p>	
Khá- Giỏi	7-8	<p>Trả lời đúng 70-80% câu hỏi.</p> <p>Dẫn chiếu chính xác điều luật liên quan.</p> <p>Có mở rộng, phân tích đúng hướng nhưng chưa đủ ý.</p> <p>Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.</p> <p>Mắc ít lỗi (1-2 lỗi) về thuật ngữ chuyên môn.</p> <p>Còn lỗi chính tả.</p>	

Trung bình	5-6	<p>Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. Không phân tích mở rộng. Không dẫn chiếu hoặc dẫn chiếu chưa chính xác điều luật liên quan. Trình bày không rõ ý, chưa logic. Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (3-4 lỗi). Còn lỗi chính tả.</p>
Yếu	3-4	<p>Trả lời sai, lạc đề, hoặc phần trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi. Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 50%. Không hiểu câu hỏi. Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi). Nhiều lỗi chính tả.</p>
Kém	0-2	<p>Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 20%. Không làm hết câu hỏi, bỏ đến 80% nội dung. Không hiểu câu hỏi. Không hiểu các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 6 lỗi). Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. Nhiều lỗi chính tả.</p>

10.3. Lịch làm và nộp bài tập

Bài tập	Lịch nộp
Viết bài theo chủ đề cho trước vào các tuần 3	Nộp sau 1 tuần kể từ khi giảng viên cho chủ đề

10.4. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh luận sẽ có điểm thưởng (cộng thêm điểm vào điểm chuyên cần hoặc bài tập, hoặc bài kiểm tra giữa kỳ).

- Sinh viên không nộp bài tập theo tuần sẽ không có điểm bài tập tuần đó (nộp muộn được chấp nhận sau 2 ngày nhưng bị trừ điểm).

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Hiệu trưởng

P.Trưởng Khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn Đề cương



PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

Nguyễn Đức Khâm

TS. Nguyễn Đình Hợi

TS. Nguyễn Đình Hợi